TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16/10/2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Viết Anh
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình
Ông Đỗ Xuân Thọ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa*:** Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2019 về việc tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXX-ST ngày 12/9/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thu H** – sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H** - sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
(Chị H có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Chị và bị đơn là anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào ngày 30/5/2011 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau ngày cưới, vợ chồng ở chung cùng bố mẹ chồng tại xã C. Qúa trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H chơi bời dẫn đến nợ nần, không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Chị đã bỏ qua nhiều lần nhưng anh H vẫn không chịu thay đổi. Chị và các con đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã V từ tháng 11/2018. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Hải N – sinh ngày 15/9/2011 và Nguyễn Gia M – sinh ngày 11/01/2018. Hiện hai cháu đang ở cùng chị H và ông bà ngoại. Ly hôn chị H xin được nuôi hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là anh Nguyễn Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không có mặt.

Tại phiên tòa, đại điện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thu H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Phạm Hải N – sinh ngày 15/9/2011 và Nguyễn Gia M – sinh ngày 11/01/2018. Anh H không phải chấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

- Về tài sản chung, về vay nợ chung: Không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu H cư trú tại xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn H cư trú ở cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn H hiện vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn P, xã C, huyện Đ. Qúa trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt các quyết định, thông báo của Tòa án cho anh H theo quy định của pháp luật. Bà Đỗ Thị L (mẹ đẻ của anh H) cung cấp thông tin đều nhận giấy báo của Tòa án và cam kết thông báo lại cho anh H. Anh H biết việc chị H xin ly hôn và Tòa án đang thụ lý giải quyết nhưng không lên Tòa án để giải quyết.

Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào năm 2011, trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H, anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Phạm Hải N – sinh ngày 15/9/2011 và Nguyễn Gia M – sinh ngày 11/01/2018. Sau khi ly hôn, nguyện vọng của chị H là được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng. Xét thấy, chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con từ nhỏ còn anh H đi làm ăn xa. Bên cạnh đó, nguyện vọng của cháu N là muốn được ở với mẹ. Còn cháu M còn nhỏ, đối chiếu với quy định của pháp luật: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con."* (khoản 3, Điều 81 Luật HNGĐ 2014). Chị H có đủ điều kiện để nuôi hai con. Vì vậy, sau khi ly hôn sẽ giao cháu N và cháu M cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu nên không phải giải quyết.

Nếu sau này anh H chứng minh vợ chồng có tài sản chung, vay nợ chung, yêu cầu Tòa án giải quyết thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Văn H.

2- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thu H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Phạm Hải N – sinh ngày 15/9/2011 và Nguyễn Gia M – sinh ngày 11/01/2018. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không phải giải quyết.

4- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thu H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2017/0003264 ngày 24/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã C (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Viết Anh